

**TỔNG CÔNG TY
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 40

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn – TNHH Một Thành viên cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Tổng Công ty

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.796.569.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty có các đơn vị sản xuất và kinh doanh hạch toán phụ thuộc gồm:

- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Ô tô Toyota – Bến Thành (tên cũ Xí nghiệp Ô tô Toyota – Bến Thành)
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Công Nghiệp và Dịch Vụ Ô Tô
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Dịch vụ Ô Tô Isuzu An Lạc
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô An Lạc (tên cũ Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô An Lạc)
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí Nghiệp Đầu tư Xây Dựng Đô Thành (tên cũ Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Xí Nghiệp Đầu tư Xây Dựng Đô Thành)
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô Chuyên dùng An Lạc
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên tại Hà Nội (Samco Hà Nội)
- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên - Nhà máy ô tô thương mại Samco.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty:

- Sản xuất, đóng mới, lắp ráp các phương tiện vận tải ô tô, phụ tùng ô tô các loại và các sản phẩm công nghiệp khác;
- Sản xuất và kinh doanh các thiết bị cơ khí, cơ khí chính xác, các thiết bị cơ khí phục vụ vệ sinh môi trường, thiết bị cơ khí – điện cho hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông và trang trí nội thất;
- Đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy, sửa chữa dàn khoan và các công trình trên sông, trên biển;
- Kinh doanh vật tư thiết bị công nghiệp hàng hải và dầu khí;
- Cải tạo, sửa chữa ô tô, sửa chữa các phương tiện đường bộ và cung cấp dịch vụ bảo hành ô tô;
- Đại lý, ký gửi hàng hóa, mua bán xe ô tô các loại, máy móc phụ tùng, các loại động cơ nổ, hàng trang trí nội thất, vật tư nông nghiệp, máy móc thiết bị nông nghiệp;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu nhớt, khí hóa lỏng;

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư phụ tùng, vật liệu xây dựng chuyên ngành giao thông công chánh;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, công nghiệp, máy móc, phụ tùng cho ngành giao thông công chánh, xăng, dầu, nhớt, gas, mỡ, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón, thiết bị trạm xăng dầu, phương tiện giao thông vận tải. Thiết bị chế tạo và thiết kế đóng mới các loại phương tiện giao thông đường bộ;
- Tư vấn thiết kế công nghiệp, thiết bị, phương tiện giao thông đường bộ;
- Đào tạo, giáo dục định hướng và đưa người lao động, chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Khai thác, kinh doanh vận chuyển hành khách liên tỉnh, hành khách công cộng thành phố (xe buýt), hành khách du lịch, du lịch lữ hành trong nước, quốc tế bằng đường bộ, đường thủy theo luồng tuyến cố định và theo hợp đồng kinh tế;
- Khai thác, kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường sông, đường biển trong nước và ngoài nước;
- Khai thác, kinh doanh bến xe khách, bến xe tải, bến tàu sông, cảng sông, bến thủy nội địa, cảng biển, tổ chức xếp dỡ, bảo quản giao nhận hàng hóa, trung chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường bộ, đường thủy, trung chuyển hàng hóa bằng container;
- Dịch vụ, đại lý: vận tải đường bộ, đường sông, đường biển, cung ứng tàu biển, môi giới hàng hóa cho tàu trong và ngoài nước;
- Tổng thầu xây dựng và tư vấn xây dựng các công trình cầu, đường bộ, bến, bãi đậu xe, cảng sông, cảng biển, bờ kè. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước, thoát nước, thủy lợi, công viên cây xanh, đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, công trình điện trung – hạ thế. San lấp mặt bằng. Nạo vét kênh, rạch;
- Thiết kế cải tạo và thiết kế đóng mới các phương tiện cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh và cho thuê kho, bến bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng làm việc;
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác.

Trong năm, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

2. Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát viên trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Thành viên

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Phạm Quốc Huy	Việt Nam	Chủ tịch
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Thành viên
Bà Trần Thị Ngọc Phương	Việt Nam	Thành viên
Ông Kiều Nam Thành	Việt Nam	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Tổng Giám đốc
Bà Tăng Thị Thu Lý	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tám	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Bà Võ Ngọc Thủy	Việt Nam	Kiểm soát viên chuyên trách, Trưởng ban kiểm soát (từ ngày 15/07/2022)
Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ	Việt Nam	Kiểm soát viên chuyên trách, Thành viên (từ ngày 15/07/2022)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Tổng Giám đốc

4. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tổng Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

8. Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông TRẦN QUỐC TOÀN

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2023



Số: 184B/2023/BCKTHN-HCM.00147

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và các công ty con (được gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 các công ty con vẫn chưa có quyết định phê duyệt quỹ lương thực hiện. Do đó, quỹ lương được trích trong năm 2022 là quỹ lương tạm tính. Nếu quỹ lương được duyệt thay đổi so với quỹ lương tạm tính sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn dẫn đến lợi nhuận trong năm 2022 sẽ thay đổi theo một khoản tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2023

LÊ THỊ NGỌC ANH
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5831-2023-009-1

3995
G TY
HH
TOÁN
T N
10 C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.226.920.609.246	1.909.936.465.417
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	491.467.491.260	397.706.385.858
Tiền	111		377.344.141.976	138.291.034.085
Các khoản tương đương tiền	112		114.123.349.284	259.415.351.773
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		415.668.019.091	147.081.847.356
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	415.668.019.091	147.081.847.356
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		672.968.663.778	566.090.978.305
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	601.888.033.814	547.041.281.133
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	23.227.160.532	21.508.744.584
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	366.286.634	366.286.634
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	194.410.488.235	145.069.133.954
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(149.926.815.827)	(150.906.827.859)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.003.510.390	3.012.359.859
Hàng tồn kho	140	5.8	622.864.428.433	714.695.207.649
Hàng tồn kho	141		688.450.362.061	788.034.114.394
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(65.585.933.628)	(73.338.906.745)
Tài sản ngắn hạn khác	150		23.952.006.684	84.362.046.249
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	4.608.290.154	6.322.977.650
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.16.1	5.444.618.192	3.610.940.122
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16.2	13.899.098.338	74.428.128.477

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2022


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.467.897.261.572	4.259.526.780.004
Các khoản phải thu dài hạn	210		48.780.490.140	48.870.590.140
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	50.755.030.223	50.845.130.223
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.974.540.083)	(1.974.540.083)
Tài sản cố định	220		1.410.578.073.609	1.513.034.276.254
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	1.357.740.517.010	1.463.743.210.736
Nguyên giá	222		3.270.858.122.150	3.224.722.184.845
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.913.117.605.140)	(1.760.978.974.109)
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	52.837.556.599	49.291.065.518
Nguyên giá	228		88.453.070.809	80.786.776.773
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.615.514.210)	(31.495.711.255)
Bất động sản đầu tư	230	5.12	4.492.265.457	4.823.741.413
Nguyên giá	231		37.488.593.253	37.488.593.253
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(32.996.327.796)	(32.664.851.840)
Tài sản dở dang dài hạn	240		475.191.978.749	486.636.024.373
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	475.191.978.749	486.636.024.373
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	2.335.108.044.572	2.000.720.805.182
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.173.408.044.572	1.838.820.805.182
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		161.700.000.000	161.700.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	200.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		193.746.409.045	205.441.342.642
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	179.403.299.994	189.625.075.432
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.738.480.143	2.761.059.689
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		11.604.628.908	13.055.207.521
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.694.817.870.818	6.169.463.245.421


TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.760.542.038.924	2.686.620.547.714
Nợ ngắn hạn	310		1.811.220.791.354	1.668.938.698.189
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	176.099.151.007	205.161.841.141
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	38.324.785.529	52.745.687.743
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16.2	71.312.471.464	47.817.619.298
Phải trả người lao động	314		137.837.708.765	115.996.029.134
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17.1	10.817.070.347	9.255.606.099
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18.1	1.274.800.863	881.880.897
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19.1	256.976.582.279	269.153.443.367
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20.1	913.537.662.466	759.084.625.504
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		205.040.558.634	208.841.965.006
Nợ dài hạn	330		949.321.247.570	1.017.681.849.525
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	5.17.2	10.695.614.923	10.695.614.923
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18.2	119.413.442.326	126.877.329.490
Phải trả dài hạn khác	337	5.19.2	394.280.069.263	392.499.097.782
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20.2	379.831.283.123	434.093.483.123
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		45.100.837.935	53.516.324.207
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.934.275.831.894	3.482.842.697.707
Vốn chủ sở hữu	410		3.934.275.831.894	3.482.842.697.707
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.21	1.796.569.000.000	1.796.569.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		613.481.550	613.481.550
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		118.726.179.238	106.483.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.21	845.686.389.730	779.898.521.076
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.21	916.608.048.409	576.738.183.216
<i>LNST chưa phân phối năm trước</i>	421a		363.777.169.162	531.797.316.149
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		552.830.879.247	44.940.867.067
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		256.072.732.967	222.540.011.865
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.694.817.870.818	6.169.463.245.421


NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG
Người lập


HUỲNH THỊ HẠNH
Kế toán trưởng


TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2023



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.744.008.100.609	3.880.693.114.213
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	391.090.909
Doanh thu thuần	10	6.1	5.744.008.100.609	3.880.302.023.304
Giá vốn hàng bán	11	6.2	5.179.352.490.227	3.686.521.294.593
Lợi nhuận gộp	20		564.655.610.382	193.780.728.711
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	28.610.183.917	21.097.874.106
Chi phí tài chính	22	6.4	41.094.199.116	37.803.332.179
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		40.807.350.279	37.421.992.330
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		512.910.958.461	277.045.013.284
Chi phí bán hàng	25	6.5	255.049.903.606	207.311.722.602
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	255.238.288.285	256.906.849.808
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		554.794.361.753	(10.098.288.488)
Thu nhập khác	31	6.7	111.160.480.476	107.441.663.333
Chi phí khác	32	6.8	4.277.425.463	6.484.721.872
Lợi nhuận khác	40		106.883.055.013	100.956.941.461
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		661.677.416.766	90.858.652.973
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		60.651.658.386	35.074.665.845
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		22.579.546	(169.771.475)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		601.003.178.834	55.953.758.603
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		552.830.879.247	44.940.867.067
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		48.172.299.587	11.012.891.536



NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG
Người lập



HUỖNH THỊ HẠNH
Kế toán trưởng



TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc


TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2023

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	661.677.416.766	90.858.652.973
Khấu hao tài sản cố định	02	173.375.989.603	177.454.344.602
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(21.648.753.373)	89.438.381.905
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ cuối năm	04	(31.617.136)	90.879.943
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(539.601.412.710)	(21.082.135.097)
Chi phí lãi vay	06	40.807.350.279	37.421.992.330
Các khoản điều chỉnh khác	07	(5.392.236.951)	6.350.000.000
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	309.186.736.478	380.532.116.656
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(44.128.331.596)	(115.823.014.212)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	96.576.943.265	36.063.909.713
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	3.531.321.750	(283.990.345.119)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	10.382.265.258	(20.623.491.118)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(36.328.449.152)	(30.663.670.789)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(44.011.873.798)	(45.915.828.632)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	434.122.278	1.776.834.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(104.329.555.462)	(104.384.983.241)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	191.313.179.021	(183.028.472.742)
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(85.002.769.706)	(82.913.641.366)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	7.970.597.390	881.750.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(447.142.492.329)	(173.685.981.786)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	180.866.392.912	277.230.228.560
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	156.729.257.996	414.098.295.488
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(186.579.013.737)	435.610.650.896
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.834.519.080.949	5.131.162.832.671
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.734.328.243.987)	(5.480.863.285.092)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.257.162.110)	(202.022.194.479)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	88.933.674.852	(551.722.646.900)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	93.667.840.136	(299.140.468.746)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	397.706.385.858	696.889.831.139
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	93.265.266	(42.976.535)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	491.467.491.260	397.706.385.858


NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG
Người lập


HUYỀN THỊ HẠNH
Kế toán trưởng




TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2023

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, sản xuất.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong năm, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Tập đoàn

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Số 09 Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp các dịch vụ bốc xếp, nâng, hạ container, phí ra cảng, cho thuê phương tiện thiết bị xe cầu, xe nâng, cho thuê kho bãi và giao nhận hàng hóa	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	Số 292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	163 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	100,00%	100,00%	100,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	Số 42, 42A, 42C Tôn Thất Thuyết, Phường 4, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bốc xếp hàng hóa, kinh doanh dịch vụ kho bãi, dịch vụ sửa chữa tàu ghe, cung ứng hàng hóa ăn uống và nhà trọ, kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng cho ngành, đại lý giao nhận kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.	76,73%	76,73%	76,73%
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	Số 720, QL 1A, KP 3B, Phường. Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	Số 395 Kinh Dương Vương, An Lạc, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	Số 09 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển và giao nhận, dịch vụ hậu cần.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng (công ty con gián tiếp)	Khu B1-6 KCN Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, P. Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	Vận tải hàng hóa đường bộ.	56,44%	56,44%	31,72%
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh (công ty con gián tiếp)	Số 27B, Đường Quốc lộ 1A, Phường Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ kho bãi.	100,00%	100,00%	51,00%

Các công ty liên doanh:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH VT Kumho Samco Buslines	292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Vận chuyển hành khách, thuê xe hợp đồng, đưa rước nhân viên, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng.	51,00%	50,00%	51,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	151A Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận chuyển, cho thuê thiết bị và điều hành tour du lịch.	50,00%	50,00%	50,00%
---------------------------------------	---	--	--------	--------	--------

Các công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ xe buýt, du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	Số 18 Đào Trí, phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, sửa chữa giàn khoan và công trình trên biển.	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	Số 124 Tùng Thiện Vương, Phường 11, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng cầu đường.	48,47%	48,47%	48,47%
Công ty CP Hòa Phú	Số 121 Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư kỹ thuật, dịch vụ tư vấn đầu tư, sản xuất nước tinh khiết.	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty CP Ô tô An Thái	268 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Sửa chữa bảo hành xe ô tô, xe cơ giới (không gia công cơ khí tại trụ sở), mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô.	40,00%	40,00%	56,36%
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xe ô tô hạng sang – phụ tùng – phụ kiện - sửa chữa và bảo dưỡng ô tô các loại.	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	26 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP. Hồ Chí Minh	Chuyên bán các loại xe ô tô Toyota mới, dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô.	37,67%	37,67%	37,67%
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	Số 33 Lê Quốc Hưng, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước, Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.	36,60%	36,60%	36,60%
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh.	31,26%	31,26%	31,26%
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	Số 13 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất xe có động cơ.	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	Số 51/13, Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ.	29,93%	29,93%	29,93%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	Số 695 Quang Trung, P8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động trong lĩnh vực lắp ráp và phân phối các sản phẩm xe thương mại nhãn hiệu Isuzu.	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu	Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hoá đường bộ, đường biển.	45,15%	45,15%	45,15%

Công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải đường thủy	51,00%	50,00%	26,01%

Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon là công ty liên kết của Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn (công ty con). Lý do không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu là Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon đang trong quá trình thanh lý, giải thể.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trong bảng cân đối kế toán, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của các công ty liên kết. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tập đoàn không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính là bằng không (0). Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Tập đoàn chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là quyền cùng chi phối của các bên góp vốn liên doanh về các chính sách tài chính và hoạt động đối với một hoạt động kinh tế trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng.

Phần vốn góp của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Trường hợp Tập đoàn giao dịch với các đơn vị liên doanh của Tập đoàn, lãi/lỗ chưa thực hiện, tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào đơn vị liên doanh được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với dịch vụ sửa chữa và lắp ráp xe, Tập đoàn áp dụng hình thức khoán vật tư, nhân công theo định mức cho từng loại dịch vụ.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công và chi phí sản xuất chung.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà, xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	04 – 07

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa.

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 – 05 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm tiền thuê đất và chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, trong đó:

Tiền thuê đất	Năm
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	50
	03

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.12 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích bằng 03% - 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong kỳ, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các kỳ sau.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận chưa phân phối của Tổng Công ty được thực hiện theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ. Theo đó, lợi nhuận của doanh nghiệp sau khi bù đắp lỗ năm trước theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

- Chia lãi cho các bên liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).
- Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.
- Trích quỹ đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có).
- Trích tối đa 30% vào Quỹ đầu tư phát triển.
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và Quỹ thưởng của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo đánh giá xếp loại doanh nghiệp. Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển mà không đủ nguồn để trích các Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định thì Tổng Công ty được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

Lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các nội dung trên được nộp về Ngân sách Nhà nước.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tập đoàn chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng trong kỳ bao gồm doanh thu đại lý mua bán xe các loại và xe buýt tự sản xuất, xe chuyên dùng tự sản xuất và nhập khẩu.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tập đoàn chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức, Lợi nhuận còn lại

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

Thu nhập khác

Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu; Các khoản thu nhập khác.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Theo quy định hiện hành, các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của Báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	TP. HCM	Công ty Liên doanh
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	TP. HCM	Công ty Liên doanh
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Đón tàu An Phú	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Hoà Phú	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Xe khách và DV Miền Tây	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Vận tải Ô tô Số 2	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Vận tải Sông Sài Gòn	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Ô tô An Thái	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Công trình Giao thông Quận 8	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Tân Cảng – Phú Hữu	TP. HCM	Công ty Liên kết

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Tổng Công ty (gồm các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt tồn quỹ	8.921.914.807	6.973.307.734
Tiền gửi ngân hàng	368.422.227.169	131.317.726.351
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	114.123.349.284	259.415.351.773
	<u>491.467.491.260</u>	<u>397.706.385.858</u>

5.2 Các khoản đầu tư

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 1 năm.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(1)	2.173.408.044.572	1.838.820.805.182
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(2)	161.700.000.000	161.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(3)	-	200.000.000
		2.335.108.044.572	2.000.720.805.182

(1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

		31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty CP Đóng tàu An Phú		13.714.604.659	19.267.121.913
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines		91.731.069.003	109.218.391.264
Công ty TNHH Isuzu Việt Nam		522.131.723.727	382.247.989.960
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam		1.028.351.714.630	792.924.474.704
Công ty TNHH DV Ôtô Sài Gòn Toyota Tshusho		38.405.345.202	37.516.614.069
Công ty CP Hòa Phú		47.167.261.475	44.997.377.090
Công ty TNHH Vận tải Sông Sài Gòn		1.367.827.850	1.367.827.850
Công ty CP Vận tải Ôtô Số 2		21.067.413.173	20.638.783.325
Công ty LD Vận tải Thủy Sea Sài Gòn		18.983.934.769	18.983.934.769
Công ty TNHH Ôtô Toyotsu Samco		86.743.809.248	117.463.861.505
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn		18.664.210.630	18.690.720.117
Công ty CP Công trình Giao thông Quận 8		-	146.508.386
Công ty CP Tân Cảng - Phú Hữu		98.410.303.030	95.692.217.028
Công ty CP Xe khách Sài Gòn		145.104.314.025	137.746.955.157
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây		19.367.060.567	19.813.306.378
Công ty CP Ôtô An Thái		22.197.452.584	22.104.721.667
		2.173.408.044.572	1.838.820.805.182

(2) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào Công ty CP Cảng Phú Định với tỷ lệ góp vốn là 16,17%.

(3) Là giá trị của 20 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam kỳ hạn đến 14 tháng 12 năm 2027 mệnh giá 10.000 VND/trái phiếu, lãi suất bằng lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

		31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Bên liên quan			
Công ty CP Xe khách Sài Gòn		309.881.704	9.216.086.998
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam		1.025.363.274	859.810.713
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines		150.270.378.140	68.359.196.364
Công ty TNHH Ôtô Toyotsu Samco		10.739.290	137.100.854
Công ty TNHH DV Ôtô Sài Gòn Toyota Tshusho		6.941.980	1.955.250
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam		8.764.290	8.764.290
Công ty CP Xe khách và DV Miền Tây		19.110.000.000	28.665.000.000
Các tổ chức khác			
Công ty CP TM Ôtô Gia Định		59.950.750.000	60.100.750.000
Công ty CP XD TM Phú Mỹ Lợi		37.067.899.761	52.872.495.596
Các khách hàng khác		334.127.315.375	326.820.121.068
		601.888.033.814	547.041.281.133

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Bên liên quan		
Công ty CP Vận tải Ô tô Số 2	-	482.200.000
Các tổ chức khác		
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	8.895.052.621	6.848.767.708
Các nhà cung cấp khác	14.332.107.911	14.177.776.876
	23.227.160.532	21.508.744.584

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Vận tải Sông Sài Gòn	366.286.634	366.286.634
	366.286.634	366.286.634

5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty TNHH Ô tô				
Isuzu Việt Nam	1.526.654.261	(619.490.295)	2.026.245.171	(619.490.295)
Công ty TNHH Vận tải				
Sông Sài Gòn	123.605.791	(123.605.791)	123.605.791	(123.605.791)
Công ty CP Tân Cảng –				
Phú Hữu	23.805.656.023	-	20.761.926.503	-
Công ty TNHH Ô tô				
Toyotsu Samco	49.337.233.055	-	-	-
Công ty Liên doanh Vận tải				
thủy Sea Saigon	5.849.054.747	(5.849.054.747)	5.849.054.747	(5.849.054.747)
Công ty CP Vận tải Ô tô số 2	-	-	342	-
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	2.600.000.000	-	2.630.000.000	-
Trần Thị Ngọc Phương				
- Thành viên HĐQT	26.857.015	-	26.857.015	-
Các khoản phải thu khác				
Lãi dự thu, lãi cho vay phải thu	2.875.025.649	-	1.403.806.487	-
Tạm ứng	7.491.639.107	(20.055.002)	9.317.740.341	(20.055.002)
Ký quỹ	4.376.300.000	(39.300.000)	4.474.800.000	(39.300.000)
Phải thu khác	96.398.462.587	(67.247.937.644)	98.455.097.557	(67.247.937.644)
	194.410.488.235	(73.899.443.479)	145.069.133.954	(73.899.443.479)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bà Nguyễn Thị Khương – ký quỹ	38.552.292.000	-	38.552.292.000	-
Công ty TNHH SX – TM Hồng Tiến Phát – ký quỹ	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh – ký quỹ	1.075.048.140	-	1.075.048.140	-
Ký quỹ khác	2.030.540.083	(1.974.540.083)	2.137.640.083	(1.974.540.083)
Phải thu khác	1.097.150.000	-	1.080.150.000	-
	50.755.030.223	(1.974.540.083)	50.845.130.223	(1.974.540.083)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.7 Nợ xấu

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Dự phòng VND
Bên liên quan						
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	5.849.054.747	-	(5.849.054.747)	5.849.054.747	-	(5.849.054.747)
Công ty TNHH Vận tải Sông Sài Gòn	489.892.425	-	(489.892.425)	489.892.425	-	(489.892.425)
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	619.490.295	-	(619.490.295)	619.490.295	-	(619.490.295)
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	8.764.290	-	(8.764.290)	8.764.290	-	(8.764.290)
Công ty CP Đóng tàu An Phú	3.003.510.390	-	(3.003.510.390)	3.003.510.390	-	(3.003.510.390)
Các khách hàng khác						
Công ty TNHH Quốc Đạt	5.128.185.922	-	(5.128.185.922)	5.128.185.922	-	(5.128.185.922)
Công ty TNHH TM DV Phượng Hoàng	3.122.999.995	-	(3.122.999.995)	3.122.999.995	-	(3.122.999.995)
Các khách hàng khác	142.067.208.744	10.362.290.981	(131.704.917.763)	154.256.973.749	21.572.043.954	(132.684.929.795)
	160.289.106.808	10.362.290.981	(149.926.815.827)	172.478.871.813	21.572.043.954	(150.906.827.859)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.903.363.633	-
Nguyên liệu, vật liệu	170.354.884.389	-	254.320.138.494	-
Công cụ dụng cụ	1.146.630.799	(639.641.334)	1.200.408.551	(578.364.862)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	83.699.820.901	(21.041.878.979)	107.163.455.882	(21.041.878.979)
Thành phẩm	211.569.423.611	(43.904.413.315)	276.521.570.972	(51.718.662.904)
Hàng hóa	221.679.602.361	-	146.908.990.724	-
Hàng gửi đi bán	-	-	16.186.138	-
	688.450.362.061	(65.585.933.628)	788.034.114.394	(73.338.906.745)

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí sửa chữa	1.827.795.422	3.586.445.329
Chi phí khác	2.780.494.732	2.736.532.321
	4.608.290.154	6.322.977.650

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí tiền thuê đất trả trước	56.104.093.118	61.744.962.794
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Cảng Phú Hữu	41.572.257.276	41.572.257.276
Chi phí san lấp mặt bằng Cảng Phú Hữu	21.732.053.979	24.629.661.175
Chi phí khác	59.994.895.621	61.678.194.187
	179.403.299.994	189.625.075.432

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2022	2.047.069.189.365	413.833.927.140	653.836.019.310	29.779.210.729	80.203.838.301	3.224.722.184.845
Mua sắm trong năm	3.875.152.641	1.935.301.382	14.531.529.356	544.590.909	1.130.485.849	22.017.060.137
Đầu tư XD/CB hoàn thành	30.170.487.500	10.792.704.855	1.606.102.048	190.222.222	380.354.911	43.139.871.536
Tăng khác	228.194.697	265.839.200	-	-	-	494.033.897
Phân loại lại	36.196.200	2.084.982.836	473.443.377	(2.558.426.213)	(36.196.200)	-
Giảm do thanh lý	(226.769.090)	(281.783.171)	(18.324.651.017)	(150.638.820)	(292.013.268)	(19.275.855.366)
Giảm khác	-	-	-	-	(239.172.899)	(239.172.899)
Tại ngày 31/12/2022	<u>2.081.152.451.313</u>	<u>428.630.972.242</u>	<u>652.122.443.074</u>	<u>27.804.958.827</u>	<u>81.147.296.694</u>	<u>3.270.858.122.150</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2022	932.725.701.157	273.828.873.959	456.281.836.806	25.305.486.450	72.837.075.737	1.760.978.974.109
Khấu hao trong năm	79.867.783.665	40.868.103.507	44.226.599.993	1.347.990.926	3.599.310.783	169.909.788.874
Phân loại lại	32.174.944	1.754.789.085	-	(1.786.964.029)	-	-
Giảm do thanh lý	(226.769.090)	(281.783.171)	(16.685.041.332)	(150.638.820)	(256.994.098)	(17.601.226.511)
Giảm khác	-	-	-	-	(169.931.332)	(169.931.332)
Tại ngày 31/12/2022	<u>1.012.398.890.676</u>	<u>316.169.983.380</u>	<u>483.823.395.467</u>	<u>24.715.874.527</u>	<u>76.009.461.090</u>	<u>1.913.117.605.140</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	<u>1.114.343.488.208</u>	<u>140.005.053.181</u>	<u>197.554.182.504</u>	<u>4.473.724.279</u>	<u>7.366.762.564</u>	<u>1.463.743.210.736</u>
Tại ngày 31/12/2022	<u>1.068.753.560.637</u>	<u>112.460.988.862</u>	<u>168.299.047.607</u>	<u>3.089.084.300</u>	<u>5.137.835.604</u>	<u>1.357.740.517.010</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Hệ thống quản lý chất lượng VND	Quyền sử dụng đất VND	Lợi thế thương mại VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Tài sản vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2022	22.864.125.706	122.000.00	46.737.058.534	1.425.873.503	9.440.419.030	197.300.000	80.786.776.773
Tăng trong năm	1.175.570.000	-	-	-	-	-	1.175.570.000
Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.278.465.566	-	-	-	-	310.000.000	1.588.465.566
Tăng khác	30.000.000	-	4.913.602.800	-	-	35.000.000	4.978.602.800
Giảm do thanh lý	(76.344.330)	-	-	-	-	-	(76.344.330)
Tại ngày 31/12/2022	25.271.816.942	122.000.00	51.650.661.334	1.425.873.503	9.440.419.030	542.300.000	88.453.070.809
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2022	16.851.138.273	122.000.00	9.670.104.197	1.425.873.503	3.231.461.945	195.133.335	31.495.711.255
Khấu hao trong năm	3.087.258.971	-	874.997.736	-	209.787.084	24.103.494	4.196.147.285
Giảm do thanh lý	(76.344.330)	-	-	-	-	-	(76.344.330)
Tại ngày 31/12/2022	19.862.052.914	122.000.00	10.545.101.933	1.425.873.503	3.441.249.029	219.236.829	35.615.514.210
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2022	6.012.987.433	-	37.066.954.337	-	6.208.957.085	2.166.663	49.291.065.518
Tại ngày 31/12/2022	5.409.764.028	-	41.105.559.401	-	5.999.170.001	323.063.169	52.837.556.599



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.12 Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà kho, bến bãi VND	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2022	10.525.737.911	8.992.704.000	17.970.151.342	37.488.593.253
Tại ngày 31/12/2022	10.525.737.911	8.992.704.000	17.970.151.342	37.488.593.253
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2022	9.370.905.468	5.323.795.030	17.970.151.342	32.664.851.840
Khấu hao trong năm	136.793.980	194.681.976	-	331.475.956
Tại ngày 31/12/2022	9.507.699.448	5.518.477.006	17.970.151.342	32.996.327.796
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2022	1.154.832.443	3.668.908.970	-	4.823.741.413
Tại ngày 31/12/2022	1.018.038.463	3.474.226.994	-	4.492.265.457

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng - tái định cư tại Phường Long Bình, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh và Phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	370.493.588.393	370.493.588.393
Các công trình khác	104.698.390.356	116.142.435.980
	475.191.978.749	486.636.024.373

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	18.304.360.799	19.532.838.971
Công ty CP Vận tải Ô tô Số 2	3.382.900.000	1.660.909.091
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	1.342.751.502	1.657.550.791
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	-	144.721.000
Công ty CP Hòa Phú	129.659.603	6.538.261.475
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	668.057.437	38.520.000
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tshusho	8.277.140	2.867.700
Các tổ chức khác		
Công ty TNHH XD - TM Khải Thành	27.605.947.932	27.885.347.309
Các nhà cung cấp khác	124.657.196.594	147.700.824.804
	176.099.151.007	205.161.841.141

5.15 Người mua trả tiền trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Các tổ chức khác		
Ban Quản lý dự án đầu tư XD khu vực Quận 12	11.766.000.000	-
Ban quản lý Dự án đầu tư XD hạ tầng và Phát triển Đô thị Đà Nẵng	-	14.227.940.000
Các khách hàng khác	26.558.785.529	38.517.747.743
	38.324.785.529	52.745.687.743

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

5.16.1 Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”) đầu vào được khấu trừ

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	5.444.618.192	3.610.940.122

5.16.2 Thuế và các khoản phải nộp / (phải thu) Nhà nước

	01/01/2022		Số phát sinh trong năm		31/12/2022	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/khấu trừ VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	8.813.640.515	-	97.475.347.304	99.308.496.857	7.162.518.970	(182.028.008)
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	2.915.733.426	2.915.733.426	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	2.518.682.341	2.518.682.341	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.301.166.002	(11.876.593.843)	60.651.658.386	50.116.623.804	11.474.533.861	(5.514.927.120)
Thuế thu nhập cá nhân	2.146.501.175	(5.535.837.208)	14.509.463.776	13.852.725.558	2.009.558.902	(4.742.156.717)
Thuế nhà thầu	406.842.709	-	62.059.586	62.059.586	406.842.709	-
Thuế tài nguyên	-	-	3.614.800	3.614.800	-	-
Tiền thuê đất	29.149.468.897	(7.128.392.648)	63.230.609.264	60.158.076.926	28.493.204.906	(3.399.596.319)
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	515.127.445	515.127.445	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	(49.887.304.778)	71.842.895.859	250.169.139	21.765.812.116	(60.390.174)
	47.817.619.298	(74.428.128.477)	313.725.192.187	229.701.309.882	71.312.471.464	(13.899.098.338)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn

5.17.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công trình xây dựng	5.573.411.032	1.968.336.578
Chi phí khác	5.243.659.315	7.287.269.521
	10.817.070.347	9.255.606.099

5.17.2 Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền thuê đất	10.695.614.923	10.695.614.923
	10.695.614.923	10.695.614.923

5.18 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn

5.18.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Các đối tượng khác		
Dịch vụ sửa chữa	-	401.138.088
Giữ xe	970.289.940	380.814.258
Doanh thu chưa thực hiện khác	304.510.923	99.928.551
	1.274.800.863	881.880.897

5.18.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên liên quan		
Dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng		
- Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	82.199.032.493	87.473.836.721
- Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	37.214.409.833	39.403.492.769
	119.413.442.326	126.877.329.490

5.19 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.19.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả bên liên quan		
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	97.754.000	97.754.000
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Busline	388.560.000	447.680.000
Công ty CP Tân Cảng – Phú Hữu	61.208.517	61.208.516
Phải trả các đối tượng khác		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.819.936.048	6.483.597.602
Nhận ký quỹ ngắn hạn	8.148.555.625	8.500.777.538
Phải trả Công ty TNHH Minh Thành Hưng	234.478.008.459	226.458.337.289
Phải trả khác	4.982.559.630	27.104.088.422
	256.976.582.279	269.153.443.367

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.19.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải trả bên liên quan		
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	42.513.000	42.513.000
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Busline	41.285.000	47.985.000
Phải trả các đối tượng khác		
Nhận ký quỹ dài hạn	9.423.730.000	9.431.790.000
Ngân sách cấp tiền dự án Bến xe Miền Đông mới	370.775.986.999	370.775.986.999
Phải trả khác	13.996.554.264	12.200.822.783
	394.280.069.263	392.499.097.782

5.20 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Vay ngắn hạn		
- Ngân hàng	743.969.652.381	585.886.615.419
- Công ty TNHH Minh Thành Hưng	112.925.610.085	112.925.610.085
- Kỳ phiếu nội bộ	1.470.000.000	5.100.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	55.172.400.000	55.172.400.000
	913.537.662.466	759.084.625.504

5.20.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Vay dài hạn		
- Ngân hàng	404.501.340.463	458.763.540.463
- Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh	30.502.342.660	30.502.342.660
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(55.172.400.000)	(55.172.400.000)
	379.831.283.123	434.093.483.123

95-C
TY
AN
NAM
HÀM

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.21 **Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư 01/01/2021	1.796.569.000.000	759.701.248.301	5.314.197.650	727.561.028.168	3.289.145.474.119
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	30.349.121.887	30.349.121.887
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	39.678.322.599	-	(39.678.322.599)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(77.377.585.505)	(77.377.585.505)
Kết chuyển nợ ngân sách, chia lợi nhuận, tăng giảm khác	-	(19.481.049.824)	(5.314.197.650)	(62.685.047.493)	(87.480.294.967)
Số dư 31/12/2021	1.796.569.000.000	779.898.521.076	-	578.169.194.458	3.154.636.715.534
Số dư 01/01/2022 trước điều chỉnh	1.796.569.000.000	779.898.521.076	-	578.169.194.458	3.154.636.715.534
Điều chỉnh do Công ty con phát hành lại báo cáo	-	-	-	(1.431.011.242)	(1.431.011.242)
Số dư 01/01/2022 sau điều chỉnh	1.796.569.000.000	779.898.521.076	-	576.738.183.216	3.153.205.704.292
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	552.830.879.247	552.830.879.247
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	65.787.868.654	-	(65.787.868.654)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(88.873.174.940)	(88.873.174.940)
Kết chuyển nợ ngân sách, chia lợi nhuận, tăng giảm khác	-	-	-	(58.299.970.460)	(58.299.970.460)
Số dư 31/12/2022	1.796.569.000.000	845.686.389.730	-	916.608.048.409	3.558.863.438.139



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu thuần

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng		
Doanh thu bán hàng hóa	3.807.716.896.984	2.371.758.635.337
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	549.251.157.949	374.835.184.176
Doanh thu khác	<u>1.387.040.045.676</u>	<u>1.134.099.294.700</u>
	5.744.008.100.609	3.880.693.114.213
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(391.090.909)
Doanh thu thuần	<u>5.744.008.100.609</u>	<u>3.880.302.023.304</u>

Doanh thu với các bên liên quan: được trình bày tại mục 7.3.

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn bán hàng hóa	3.594.983.307.624	2.249.046.149.425
Giá vốn tiêu thụ thành phẩm	485.999.023.831	415.453.703.673
Giá vốn khác	<u>1.098.370.158.772</u>	<u>1.022.021.441.495</u>
	5.179.352.490.227	3.686.521.294.593

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	20.382.727.063	16.993.972.902
Lãi tỷ giá hối đoái	1.114.303.741	138.576.631
Thu nhập tài chính khác	<u>7.113.153.113</u>	<u>3.965.324.573</u>
	28.610.183.917	21.097.874.106

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	40.807.350.279	37.421.992.330
Lỗ tỷ giá hối đoái	230.397.219	381.339.849
Chi phí tài chính khác	<u>56.451.618</u>	-
	41.094.199.116	37.803.332.179

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	38.742.269.299	29.637.167.372
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	3.162.205.674	2.363.748.342
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.209.887.670	11.771.699.484
Chi phí thuê đất, mặt bằng	28.744.042.806	15.913.845.288
Chi phí bảo hành	4.168.549.829	3.763.861.785
Chi phí bán hàng khác	169.022.948.328	143.861.400.331
	255.049.903.606	207.311.722.602

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	141.763.660.448	124.113.914.777
Chi phí vật liệu	764.552.026	429.916.215
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.808.048.618	2.072.016.794
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.606.193.712	5.883.268.670
Thuế, phí và lệ phí	24.665.653.930	17.259.870.367
Chi phí dự phòng	(966.189.735)	37.620.873.612
Trích/(hoàn nhập) quỹ khoa học công nghệ	1.523.800.000	6.350.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	78.072.569.286	63.176.989.373
	255.238.288.285	256.906.849.808

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	6.295.512.857	4.074.462.195
Thu từ cho thuê mặt bằng	55.274.804.229	55.334.804.228
Thu nhập khác	49.590.163.390	48.032.396.910
	111.160.480.476	107.441.663.333

6.8 Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Phạt vi phạm hành chính	59.068.896	443.248.043
Chi phí khác	4.218.356.567	6.041.473.829
	4.277.425.463	6.484.721.872

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Số dư với các bên liên quan

Số dư giữa Tổng Công ty với các bên liên quan được trình bày tại các mục 5.3, 5.4, 5.5, 5.6, 5.14, 5.18 và 5.19.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

7.2	Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
	Lương và thưởng người quản lý Tổng Công ty	6.490.306.672	4.411.985.955
	Lương và thưởng Ban Kiểm soát	945.298.011	434.113.851

7.3 **Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch với các công ty liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	Doanh thu bán hàng	5.555.555.556	29.099.816.049
	Doanh thu dịch vụ	282.686.595	31.190.747
	Lãi chậm trả	6.055.600.000	-
	Mua dịch vụ	937.691.639	-
Chi nhánh Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines tại Hà Nội	Doanh thu bán hàng	50.648.148.144	-
	Lãi chậm trả	1.028.125.000	-
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	Doanh thu bán xe, phụ tùng và cung cấp dịch vụ	1.814.815.409	495.852.450
	Mua dịch vụ	1.738.311.481	1.012.586.383
	Lãi chậm trả	15.881.250	-
Công ty CP Hoà Phú	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.938.635	34.976.000
	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.130.156.498	411.987.250
	Thuê đất khu công nghiệp	-	11.556.429.462
Công ty CP Ô tô An Thái	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	227.200
	Mua phụ tùng	35.999.970	2.066.822
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	Doanh thu cho thuê mặt bằng	5.018.598.720	4.615.376.964
	Doanh thu bán hàng	-	1.075.409.091
	Doanh thu dịch vụ	43.792.852	20.103.620
	Mua dịch vụ	28.770.220	23.256.992
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	Doanh thu bán phụ tùng	5.027.900	7.168.647
	Mua phụ tùng	1.193.500	-

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	Doanh thu bán xe	569.444.444	586.363.636
	Mua phụ tùng	31.928.219.694	39.651.818.179
	Mua dịch vụ	2.314.815	-
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.656.286.215	3.193.518.865
	Thu nhập từ hoạt động đại lý	582.899.475	-
	Mua hàng hóa, dịch vụ	443.322.262.435	77.420.320.521
Công ty Cổ Phần Đóng Tàu An Phú	Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.816.000	-
Công ty TNHH Ô Tô Toyotsu Samco	Thu nhập điện, nước, tiện ích khác	1.527.050.182	1.176.551.781
	Tiền thuê nhà xưởng nhận trước	13.220.296.704	15.822.844.917
	Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa xe	108.627.256	-
	Mua nguyên liệu	9.623.695.878	6.068.758.306

7.4 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tập đoàn hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực là mua bán xe – phụ tùng xe, dịch vụ kèm theo,... và chủ yếu tập trung hoạt động ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

7.5 Thông tin so sánh

Tổng Công ty trình bày lại một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 do Công ty con là Công ty Cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn phát hành lại báo cáo kiểm toán. Ảnh hưởng của việc trình bày lại cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Mã số	Số dư 31/12/2021 trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số dư 31/12/2021 sau điều chỉnh VND
Lợi thế thương mại	269	14.886.087.538	(1.830.880.017)	13.055.207.521
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	47.717.652.105	99.967.193	47.817.619.298
Phải trả người lao động	315	116.495.865.102	(499.835.968)	115.996.029.134
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	578.169.194.458	(1.431.011.242)	576.738.183.216

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


	Mã số	Năm 2021 trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Năm 2021 Sau điều chỉnh VND
Giá vốn hàng bán	11	3.686.795.724.582	(274.429.989)	3.686.521.294.593
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	257.335.686.901	(428.837.093)	256.906.849.808
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34.974.698.652	99.967.193	35.074.665.845
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	30.349.121.887	14.591.745.180	44.940.867.067
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	25.001.336.827	(13.988.445.291)	11.012.891.536


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT



	Mã số	Năm 2021 trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Năm 2021 Sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận trước thuế	01	90.155.385.891	703.267.082	90.858.652.973
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(283.490.509.151)	(499.835.968)	(283.990.345.119)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(20.420.060.004)	(203.431.114)	(20.623.491.118)

7.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.


NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG
 Người lập


HUỲNH THỊ HẠNH
 Kế toán trưởng



TRẦN QUỐC TOÀN
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2023